

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 400/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Bắc Yên
 Vị trí lấy mẫu : Nước thô Suối Phiêng Ban
 Loại mẫu : Nước mặt - Mã số 34/T6/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 400/BB ngày 10 tháng 6 năm 2025
 Ngày phân tích : 11/6/2025 - 12/6/2025

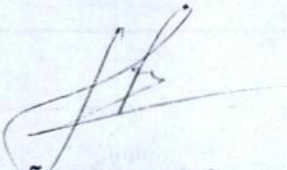


KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7.11	6.5 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Sắt	mg/l	KPH Lod:0.1	0.5	TCVN 6177:1996
3	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	15	≤ 25	TCVN 6625:2000
4	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	KPH Lod:0.024	0.05	TCVN 6178:1996
5	Amoni - N	mg/l	KPH Lod:0.03	0.3	PP/AM
6	Clorua	mg/l	KPH Lod:2.3	250	TCVN 6194:1996
7	Mangan	mg/l	KPH Lod:0.028	0.1	PP/MN
8	COD	mg/l	4	10	PP/COD
9	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	240	≤ 1000	TCVN 6187-1:2019

10	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	6	20	TCVN 6187-1:2019
----	---------------	---------------	---	----	------------------

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**



Nguyễn Hoàng Lâm

Kiểm soát



Đỗ Quang Phụng

Sơn La, ngày 15 tháng 6 năm 2025

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Lod của NO₂ được tính theo $N = 0.024$.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 2025.06.26.01/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước mặt Suối Phiêng Ban – CNCN Bắc Yên
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.06.11/BBGM. Ngày 11 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Crom VI (Cr ⁺⁶) (*)	mg/l	<0,003	0,01	SMEWW 3500- Cr.B:2017
6	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	0,1	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	0,5	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,1	TCCS HD – 02/01
9	Thủy Ngân(Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	BOD ₅ (20°C) (*)	mg/l	3	≤ 4	TCVN 6001-1:2008
11	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	7,2	≥ 6,0	TCVN 7325:2004
12	Florua(F ⁻) (*)	mg/l	<0,04	1,0	SMEWW 4500- F- .B&D : 2017
13	Tổng Phosphor (TP) (*)	mg/l	<0,1	≤ 0,1	SMEWW 4500- P-.E : 2017

14	Xyanua(CN ⁻) (*)	mg/l	<0,001	0,01	SMEWW 4500-CN -C&F : 2017
15	Chất hoạt động bề mặt anion (*)	mg/l	0,068	0,1	TCVN 6622-1:2009
16	Aldrin (*)	µg/l	<0,006	0,1	EPA 3510+ EPA 3630C + EPA 8081B
17	Hexachlorobenzene (C ₆ Cl ₆) (*)	µg/l	<0,015	0,04	
18	Dieldrin (*)	µg/l	<0,006	0,1	
19	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDT) (*)	µg/l	<0,016	1,0	
20	Heptachlor & Heptachloepoxide (*)	µg/l	<0,006	0,2	TCVN 6216:1996
21	Tổng phenol và các dẫn xuất của phenol (*)	mg/l	<0,001	0,005	
22	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	mg/l	1,08	5,0	
23	Tổng Nitơ (TN) (*)	mg/l	0,28	≤ 0,6	
24	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/l	0,033	0,1	SMEWW 7110B: 2017
25	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/l	0,134	1,0	SMEWW 7110B: 2017

Sơn La, ngày 26 tháng 06 năm 2025

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc



Là Văn Khải



Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ thông tin và Kiểm định

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 417/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mường La

Vị trí lấy mẫu : Nước thô Suối Hìn Khao

Loại mẫu : Nước mặt - Mã số 51/T6/2025

Số lượng mẫu : 01

Biên bản giao mẫu : Số 417/BB ngày 10 tháng 6 năm 2025

Ngày phân tích : 11/6/2025 - 12/6/2025

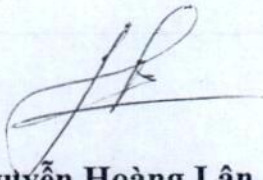


KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7.47	6.5 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Sắt	mg/l	0.21	0.5	TCVN 6177:1996
3	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	23	≤ 25	TCVN 6625:2000
4	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	KPH Lod:0.024	0.05	TCVN 6178:1996
5	Amoni - N	mg/l	0.03	0.3	PP/AM
6	Clorua	mg/l	KPH Lod:2.3	250	TCVN 6194:1996
7	Mangan	mg/l	KPH Lod:0.028	0.1	PP/MN
8	COD	mg/l	7	10	PP/COD
9	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	236	≤ 1000	TCVN 6187-1:2019

10	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	5	20	TCVN 6187-1:2019
----	---------------	---------------	---	----	------------------

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**



Nguyễn Hoàng Lâm

Kiểm soát



Đỗ Quang Phụng

Sơn La, ngày 15 tháng 6 năm 2025

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Lod của NO₂ được tính theo N = 0.024.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 2025.06.26.02/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước mặt Suối Hìn Khao – CNCN Mường La
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.06.11 /BBGM. Ngày 11 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Crom VI (Cr ⁶⁺) (*)	mg/l	<0,003	0,01	SMEWW 3500- Cr.B:2017
6	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	0,1	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,5	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,1	TCCS HD – 02/01
9	Thủy Ngân(Hg)	mg/l	KPH (Lod: 0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	Chỉ số BOD ₅ (20°C) (*)	mg/l	3	≤ 4	TCVN 6001-1:2008
11	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	7,7	≥ 6,0	TCVN 7325:2004
12	Florua(F ⁻) (*)	mg/l	<0,04	1,0	SMEWW 4500- F- .B&D : 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 432/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố số 1

Vị trí lấy mẫu : Nước thô hang Thẳm Tát Tòng

Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 66/T6/2025

Số lượng mẫu : 01

Biên bản giao mẫu : Số 432/BB ngày 10 tháng 6 năm 2025

Ngày phân tích : 11/6/2025 - 12/6/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/l	0.14	5	TCVN 6177:1996
2	pH	-	6.94	5.8 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
3	Amoni - N	mg/l	0.03	1	PP/AM
4	Chỉ số Pemanganat	mg/l	0.34	4	TCVN 6186:1996
5	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	305	500	TCVN 6224:1996
6	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	KPH <i>Lod:0.024</i>	1	TCVN 6178:1996
7	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	0.18	15	TCVN 6180:1996
8	Clorua	mg/l	6.0	250	TCVN 6194:1996
9	Mangan	mg/L	KPH <i>Lod:0.028</i>	0.5	TCVN 6002:1995
10	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/L	342.2	1500	PP/TDS
11	Hàm lượng sunphat SO ₄	mg/L	12	400	PP/SP

12	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	1	3	TCVN 6187-1:2019
13	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	KPH <i>Lod:1</i>	KPH	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 15 tháng 6 năm 2025

P. Tổng giám đốc

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Kiểm soát





Nguyễn Hoàng Luân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Lod của NO_2 được tính theo $N = 0.024$.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số : 2025.06.26.03/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước dưới đất Hang Thẳm Tát Tòng – XNCN TP Số 1
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.06.11/BBGM. Ngày 11 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
9	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod:0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Florua (*)	mg/l	0,244	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
11	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	<0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
12	Aldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
13	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆) (*)	mg/l	<0,000016	0,00002	
14	Dieldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 375/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn
 Vị trí lấy mẫu : Nước thô giếng khoan Bình Minh
 Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 09/T6/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 375/BB ngày 10 tháng 6 năm 2025
 Ngày phân tích : 11/6/2025 - 12/6/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
2	pH	-	6.94	5.8 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
3	Amoni - N	mg/L	0.05	1	PP/AM
4	Chỉ số Pemanganat	mg/L	0.22	4	TCVN 6186:1996
5	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	411	500	TCVN 6224:1996
6	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod:0.024</i>	1	TCVN 6178:1996
7	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	5.57	15	TCVN 6180:1996
8	Clorua	mg/L	24.5	250	TCVN 6194:1996
9	Mangan	mg/L	KPH <i>Lod:0.028</i>	0.5	TCVN 6002:1995
10	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/L	496.4	1500	PP/TDS
11	Hàm lượng sunphat SO ₄	mg/L	18	400	PP/SP

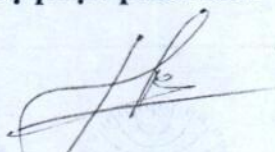
12	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	1	3	TCVN 6187-1:2019
13	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	KPH <i>Lod: 1</i>	KPH	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 15 tháng 6 năm 2025

P. Tổng giám đốc

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Kiểm soát





Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phụng

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Lod của NO_2 được tính theo $N = 0.024$.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số : 2025.06.26.04/TN



- ISO 9001:2015** Yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
- 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
- 03 Loại mẫu : Nước dưới đất Giếng Bình Minh – XNCN Mai Sơn
- 04 Số lượng mẫu : 01
- 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.06.11/BBGM. Ngày 11 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
9	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod:0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Florua (*)	mg/l	0,251	1	SMEWW 4500 F. B&D: 2017
11	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	<0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
12	Aldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
13	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆) (*)	mg/l	<0,000016	0,00002	
14	Dieldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 374/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn
 Vị trí lấy mẫu : Nước thô mố 19/5
 Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 08/T6/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 374/BB ngày 10 tháng 6 năm 2025
 Ngày phân tích : 11/6/2025 - 12/6/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
2	pH	-	7.01	5.8 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
3	Amoni - N	mg/L	0.25	1	PP/AM
4	Chỉ số Pemanganat	mg/L	1.41	4	TCVN 6186:1996
5	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	342	500	TCVN 6224:1996
6	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod:0.024</i>	1	TCVN 6178:1996
7	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	5.38	15	TCVN 6180:1996
8	Clorua	mg/L	12.4	250	TCVN 6194:1996
9	Mangan	mg/L	KPH <i>Lod:0.028</i>	0.5	TCVN 6002:1995
10	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/L	462.4	1500	PP/TDS
11	Hàm lượng sunphat SO ₄	mg/L	17	400	PP/SP

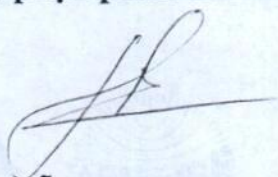
12	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	1	3	TCVN 6187-1:2019
13	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	KPH <i>Lod: 1</i>	KPH	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 15 tháng 6 năm 2025

P. Tổng giám đốc

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Kiểm soát





Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phụng

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Lod của NO_2 được tính theo $N = 0.024$.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số : 2025.06.26.05/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước dưới đất Mỏ 19/5 – XNCN Mai Sơn
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.06.11/BBGM. Ngày 11 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,005	TCCS HD 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
9	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod:0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Florua (*)	mg/l	0,256	1	SMEWW 4500 F. B&D: 2017
11	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	<0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
12	Aldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
13	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆) (*)	mg/l	<0,000016	0,00002	
14	Dieldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	

